

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2024/HS-ST  
Ngày: 20 - 9 - 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trúc Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Văn Châu.

Ông Nguyễn Phước .

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Hường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 144/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị P; có vợ và 01 con: chưa có; tiền án: 01 lần, vào ngày 12/01/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xử phạt 04 năm tù về Tội trộm cắp tài sản và T lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong ngày 08/12/2020, chưa được xóa án tích; tiền sự: vào ngày 24/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng (nhân thân: vào ngày 13/5/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 năm 03 tháng tù về Tội cướp tài sản, chấp hành xong ngày 30/8/2010, đã xóa án tích; vào ngày 12/6/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng, đến ngày 28/02/2015 thì chấp hành xong); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2023 và chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

2/. Đặng Ngọc S, sinh ngày 29/02/1996 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: số A đường T, ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình

độ học vấn: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc V và bà Nguyễn Thị Kiều T1; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: vào ngày 28/4/2023, bị Tòa án nhân thành phố S ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 20 tháng; vào ngày 05/6/2023 bị Công an thành phố S ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (về nhân thân: vào ngày 27/5/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xử phạt 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; vào ngày 09/8/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xử phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản và vào ngày 25/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 13/01/2019, đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2023 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

3/. Trang Nhi P1, sinh ngày 29/3/2001 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: khmer; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trang Minh H và bà Tăng Thị V1; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: 02 lần; vào ngày 25/3/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng; vào ngày 08/4/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/01/2024 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

4/. Nguyễn Văn C, sinh ngày 10/01/1989 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1 và bà Trang Thị Kim S1; có vợ và 01 con; tiền án: 01 lần, vào 24/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 08 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 04/02/2023, chưa được xóa án tích; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2024 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

5/. Lê Thế Q, sinh ngày 15/6/1995 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Nguyễn Tú A; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: 01 lần; Vào ngày 17/01/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng (về nhân thân: ngày 06/6/2013 bị Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

6/. Nguyễn Kiên Q1, sinh ngày 01/01/1985 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: số A, đường T, Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nam L1 và bà Trần Thị D2 (đã chết); có vợ và 01 con; tiền án: không (về nhân thân: vào ngày 26/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm 06 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 31/8/2020, đã được xóa án tích); tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/3/2024 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

7/. Nguyễn Văn Á, sinh ngày 03/9/1996 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm công; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha: không rõ và bà Nguyễn Thị Y; có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: vào ngày 23/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/3/2024 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

8. Lương Hoàng Đ1, sinh ngày 01/02/1989 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: số C đường H, Khóm B, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Ngọc M và bà Huỳnh Kim C1; Vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/5/2024 cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đ.*

Bà Lương Thị Ngọc H1 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn Đ2 (có mặt).

Cùng là Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh S. Địa chỉ liên hệ: số A H, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người bào chữa cho bị cáo Q:* Ông Nguyễn Truyền T2, Luật sư thuộc Văn phòng L5. Địa chỉ: số C đường N, khóm B, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo C:*

Ông Trần Văn Á (vắng mặt).

Ông Trịnh Hữu B (vắng mặt).

Ông Trần Vũ Thanh T3 (có mặt).

Là các Luật sư, thuộc Văn phòng luật sư Lê K. Địa chỉ: số A đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2023, Nguyễn Văn Đ là học viên đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng, số H, đường H, khóm B,

phường E, thành phố S, điện thoại nhờ Lê Thế Q mua ma túy gửi vào cho Đ và Đ sẽ chuyển tiền mua ma túy cho Q, thì Q đồng ý. Sau đó, Đ mượn Nguyễn Văn N cùng là học viên đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng số tiền 2.000.000 đồng, Đ điện thoại xin của Hồ Quốc K1, cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng số tiền 2.000.000 đồng và Đ điện thoại cho Phan Thanh S2 (không rõ địa chỉ cụ thể) xin số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi có tiền, Đ điện thoại cho Q để chuyển tiền cho Q nhưng vì Q không có số tài khoản ngân hàng nên Q nói với Nguyễn Văn C cất giữ tiền Đ nhờ mua ma túy giùm. Sau đó, Q nói với Đ chuyển tiền mua ma túy qua cho C cất giữ; trong đó, K1 đưa tiền mặt cho C số tiền 2.000.000 đồng; Quan nhờ T4 (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) đến gặp cô của N là Nguyễn Thị T5, sinh năm 1965, cư trú tại số A, đường L, phường C, thành phố S nhận số tiền 2.000.000 đồng và nói với T4 chuyển số tiền này qua số tài khoản ngân hàng cho C; Phan Thanh S2 chuyển tiền qua số tài khoản ngân hàng cho K1 2.000.000 đồng và K1 chuyển số tiền này qua tài khoản ngân hàng cho C. Khi nhận tiền, C biết số tiền này là số tiền của Đ dùng để nhờ mua ma túy gửi vào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng cho Đ. Sau khi có được số tiền 6.000.000 đồng, Đ điện thoại nhờ Q mua ma túy và nói cho Q biết cách thức đưa ma túy vào khu vực bãi tập kết rác kế hàng rào của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng. Do Q chưa tìm được chỗ mua ma túy nên Đ điện thoại cho Nguyễn Kiên Q1 để nhờ Q1 mua ma túy dùng Đ số lượng hộp 10; Đ kêu Q1 liên hệ với Q và C để lấy tiền mua ma túy. Q1 nhờ bạn giới thiệu để mua ma túy của Quách Thị Yến D3 ở thành phố Hồ Chí Minh mua 10 số ma túy với số tiền 4.500.000 đồng. Sau đó, Q1 liên hệ với Q và C lấy tiền mua ma túy và chuyển số tiền này cho D3 4.500.000 đồng. Do lúc này, Q1 đang ở huyện M không tiện nhận ma túy nên Q1 điện thoại cho Lương Hoàng Đ1 nhờ Đ1 nhận ma túy dùng, thì Đại đồng ý và Đ1 cho Q1 địa chỉ của Đại để D3 gửi ma túy về Sóc Trăng cho Q1. Vào ngày 28/8/2023, D3 gửi ma túy về Sóc Trăng thông qua Công ty cổ phần V2, số F, đường T, Khóm H, Phường C, thành phố S, nên Q1 kêu Đ1 đến nhận ma túy đưa về nhà Đ1, tại số C, đường H, Khóm B, Phường F, thành phố S cất giấu. Đến chiều ngày 29/8/2023, khi C, Q và Nguyễn Văn Á (Á) đang uống nước tại thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì Đ điện thoại cho Á nhờ Á lấy ma túy đưa vào Cơ sở cai nghiện ma túy cho Đ. Sau đó, Á điện thoại cho Q1 và Q1 điện thoại cho Đ1 đưa ma túy cho Á, tại khu vực đường H, phường E, thành phố S. Sau khi nhận được ma túy, Á1 để số ma túy vào vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Fasol và cột dây thun bên ngoài rồi ném vào khu vực bãi tập kết rác bên trong hàng rào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng. Sau khi vứt ma túy vào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng, Á điện thoại báo cho Đ và Q biết; Á báo cho Đ biết ma túy để trong vỏ gói thuốc lá nhãn hiệu Fasol có cột dây thun phía bên ngoài.

Đến sáng ngày 30 tháng 8 năm 2023, Đ biết sáng nay sẽ đi dọn vệ sinh tại Cơ sở cai nghiện ma túy nên nói với Trang Nhi P1, Trần Văn Chí T6, Đặng Ngọc S khi nào làm việc ở khu vực bãi tập kết rác của Cơ sở cai nghiện ma túy thì để ý kiểm bao thuốc lá có cột dây thun bên trong có ma túy mang về phòng. Sau đó, Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng cho Đ, P1, T6 và S đi dọn vệ

sinh. Đến khoảng 08 giờ 15 phút cùng ngày, P1 đến khu vực bãi tập kết rác thì phát hiện một vỏ thuốc lá nhãn hiệu Fasol, bên trong có một gói nylon chứa chất rắn màu trắng, biết là ma túy của Đ nên P1 cất giấu gần thùng rác rồi vào nói cho S biết. Sau đó, P1 và S đi ra chỗ thùng rác nơi P1 cất giấu ma túy và P1 đánh lạc hướng người đưa P1 và S đi gom rác để S lấy ma túy cất giấu vào trong lưng quần để đưa về phòng cho Đ. Khi S đang đưa ma túy vào phòng cho Đ thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang. Qua kiểm tra, lực lượng chức năng phát hiện trong lưng quần của S có một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Fasol, bên trong có một gói nylon chứa chất tinh thể rắn màu trắng. Vì nghi vấn chất tinh thể rắn màu trắng là ma túy nên lực lượng chức năng lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng ký hiệu “MT” gửi Cơ quan chuyên môn giám định.

Sau khi bắt quả tang S, lực lượng chức năng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi S và Đ ở tại phòng số 4, khu C, Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng, số H đường H, khóm B, phường E, thành phố S. Qua khám xét thu giữ một đoạn ống thủy tinh có một đầu hình tròn; một đoạn ống nhựa màu xanh hàn kín một đầu, một đầu cắt nhọn; ba mảnh giấy bạc được cất giấu bên trong vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Fasol, một điện thoại di động có chữ NOKIA màu đen bên trong có sim số 0368.305.942; một chai nhựa trong có nắp màu đỏ được khoét hai lỗ, một lỗ gắn đoạn ống nhựa màu xanh sọc trắng, một lỗ gắn một đoạn ống nhựa màu đỏ sọc trắng; một bọc nylon trong bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng, nghi vấn là chất ma túy nên tiến hành tạm giữ niêm phong ký hiệu “MTKX” gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 152 ngày 06/9/2023 của Phòng K5 Công an tỉnh S, kết luận: Mẫu tinh thể rắn màu trắng được niêm phong ký hiệu “MT” gửi giám định là ma túy, có khối lượng 9,0154 gam, loại Methamphetamine.

Mẫu tinh thể rắn màu trắng được niêm phong ký hiệu “MTKX” gửi giám định không tìm thấy chất ma túy và tiền chất trong danh mục các chất ma túy và tiền chất theo Nghị định số 57/2022/NĐ- CP, ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ, khối lượng 1,4482 gam.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2023 đến ngày bị bắt, Nguyễn Văn Đ còn cung cấp ma túy cho 14 học viên đang cai nghiện ma túy tại phòng số 4, khu C, Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng sử dụng khoảng ba lần, gồm: Đặng Ngọc S, Trần Văn Chí T6, Trang Nhi P1, Tô Tiểu L2, Dương Văn H2, Nguyễn Phương B1, Lê Trọng H3, Nguyễn Khánh L3, Vũ Xuân K2, Huỳnh Nhứt C2, Ngô Anh D4, Nguyễn Hoàng Anh T7, Phạm Thanh H4, Nguyễn Hoài T8. Nguồn gốc ma túy Đ cho các học viên sử dụng là do Đ lượm được trong quá trình đi dọn dẹp vệ sinh Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ hai gói niêm phong vụ số 152/2023 ngày 06/9/2023 của Phòng K5 Công an tỉnh S có chữ ký ghi họ tên Giám định viên Phạm Thanh Trường S3, trợ lý giám định Nguyễn Văn Đ2, Điều tra viên Huỳnh Ngọc T9; một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Fasol, được niêm phong ký hiệu VTL; một ống thủy tinh có một đầu hình tròn không đo kích thước; một

điện thoại di động màu đen có chữ N3, bên trong có sim số 0368.305.942; một cục sạc màu đen có chữ N1; một quạt gas; một đoạn ống nhựa xanh sọc trắng hàn kín một đầu, một đầu cắt nhọn; ba mảnh giấy bạc; một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Fasol; một chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp có khoét hai lỗ, một lỗ gắn ống nhựa xanh sọc trắng và một lỗ gắn ống nhựa màu đỏ; một quần ống dài màu xanh; số tiền 1.500.000 đồng; một xe mô tô màu xanh đen, nhãn hiệu TAKEGAWA, biển số 83S4-3032; một điện thoại di động màu xanh đen có chữ NOKIA, bên trong có sim số 0367.921.652, đã qua sử dụng.

Tại Bản cáo trạng số 151/CT-VKS-TPST ngày 04/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ, về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự và T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a, b, đ khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đặng Ngọc S, Trang Nhi P1, Nguyễn Văn C và Lê Thế Q, về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn Á và bị cáo Lương Hoàng Đ1 về Tội vận chuyển trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Kiên Q1 về Tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

**\* Tại phiên tòa:**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng:* giữ nguyên quyết định truy tố về hành vi của các bị cáo và đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc S, Trang Nhi P1, Nguyễn Văn C và Lê Thế Q phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Á, Lương Hoàng Đ1 phạm Tội vận chuyển trái phép chất ma túy; tuyên bố bị cáo Nguyễn Kiên Q1 phạm tội mua bán trái phép chất ma túy.

**a) Về trách nhiệm hình sự:**

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ:

- Tội tàng trữ trái phép chất ma túy: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Áp dụng điểm a, b, đ khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Điều 38; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 10 năm đến 11 năm tù. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội là từ 17 năm đến 19 năm tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Kiên Q1: Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q1 từ 07 năm đến 08 năm tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Á: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 250; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Á từ 07 năm đến 08 năm tù.

Đối với bị cáo Lương Hoàng Đ1: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 250; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đại từ 07 năm đến 08 năm tù.

Đối với bị cáo Đặng Ngọc S: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo S từ 06 năm tù đến 06 năm 06 tháng tù.

Đối với bị cáo Trang Nhi P1: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo P1 từ 05 năm đến 06 năm tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo C từ 07 năm đến 08 năm tù.

Đối với bị cáo Lê Thế Q: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 17, Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

b) Xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: một điện thoại di động màu đen có chữ N3, bên trong có sim số 0368.305.942; một cục sạc màu đen có chữ N1; một điện thoại di động màu xanh đen có chữ NOKIA, bên trong có sim số 0367.921.652, đã qua sử dụng và số tiền 1.500.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: hai gói niêm phong vụ số 152/2023 ngày 06/9/2023 của Phòng K5 Công an tỉnh S có chữ ký ghi họ tên Giám định viên Phạm Thanh Trường S3, trợ lý giám định Nguyễn Văn Đ2, Điều tra viên Huỳnh Ngọc T9; một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Fasol, được niêm phong ký hiệu VTL; một ống thủy tinh có một đầu hình tròn không đo kích thước; một quạt gas; một đoạn ống nhựa xanh sọc trắng hàn kín một đầu, một đầu cắt nhọn; ba mảnh giấy bạc; một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Fasol; một chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp có khoét hai lỗ, một lỗ gắn ống nhựa xanh sọc trắng và một lỗ gắn ống nhựa màu đỏ; một quần ống dài màu xanh.

- Trả cho bà Trần Thị Lan N2: một xe mô tô màu xanh đen, nhãn hiệu TAKEGAWA, biển số 83S4-3032.

c) Về trách nhiệm dân sự: không có.

Về án phí buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Ngọc S, Trang Nhi P1, Nguyễn Văn C, Lê Thế Q, Nguyễn Văn Á, Nguyễn Kiên Q1 không có ý kiến tranh luận bào chữa và nói lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ là ông Nguyễn Văn Đ2 trình bày quan điểm bào chữa: thống nhất với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Đ cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

mà Kiểm sát viên đề nghị; đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ bổ sung thêm điểm t khoản 1, khoản 2 (có con nhỏ) Điều 51 Bộ luật Hình sự (tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong phát hiện tội phạm) và đề nghị xử phạt bị cáo 06 năm về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 năm tù về “Tội Tổ chức trái phép chất ma túy”.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thế Q là ông Nguyễn Truyền T2 trình bày quan điểm bào chữa: thống nhất với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Q cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị; đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (trình độ học vấn thấp, có con nhỏ mới sinh); bị cáo chỉ giữ hộ dùm 2.000.000 đồng cho bị cáo, nên đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt là 05 năm tù.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C là ông Trần Vũ Thanh T3 trình bày quan điểm bào chữa: thống nhất với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo C cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị. Bị cáo là người có vai trò giúp sức ít nhất trong vụ án. Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (tự thú, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong phát hiện tội phạm). Do vậy, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt từ 03 đến 04 năm tù.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Ngọc S, Trang Nhĩ P1, Nguyễn Văn C, Lê Thế Q, Nguyễn Văn Á, Lương Hoàng Đ1, Nguyễn Kiên Q1 là công dân Việt Nam, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, vào thời điểm thực hiện hành vi bị khởi tố không mắc bệnh tâm thần hay một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình nên có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Ngọc S, Trang Nhĩ P1, Nguyễn Văn C, Lê Thế Q, Nguyễn Văn Á, Lương Hoàng Đ1, Nguyễn Kiên Q1 khai nhận:

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2023, bị cáo Đ là học viên đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng, thì có nhu cầu sử dụng ma túy nên Đ điện thoại nhờ bị cáo Q mua ma túy gửi vào cho Đ. Sau đó, Đ mượn và xin tiền của bạn bè được số tiền 6.000.000 đồng và chuyển số tiền này cho Q nhưng vì Q không có

số tài khoản ngân hàng nên Q nói với bị cáo C cất giữ số tiền Đ nhờ mua ma túy. Do Q chưa tìm được chỗ mua ma túy nên Đ điện thoại nhờ bị cáo Q1 mua ma túy dùm thì bị cáo Q1 đồng ý, Q1 nhờ bạn giới thiệu nên mua ma túy của Quách Thị Yến D3 ở thành phố Hồ Chí Minh để mua 10 số ma túy với số tiền 4.500.000 đồng. Sau đó, Q1 liên hệ với Q và C lấy tiền mua ma túy và chuyển số tiền này cho D3 4.500.000 đồng. Do Q1 đang ở huyện M không thuận tiện cho việc nhận ma túy nên Q1 điện thoại nhờ bị cáo Đ1 nhận ma túy dùm và xin địa chỉ của Đại để D3 gửi ma túy về. Sau khi D3 chuyển ma túy về Sóc Trăng, Q1 nói với Đ1 điều khiển xe mô tô đến Công ty cổ phần V2, số F, đường T, Khóm H, Phường C, thành phố S nhận ma túy và vận chuyển về nhà Đ1, tại số C, đường H, Khóm B, Phường F, thành phố S cất giấu. Đến chiều ngày 29/8/2023, Đ điện thoại nhờ bị cáo Á đến gặp Đ1 lấy ma túy và vận chuyển vào Cơ sở cai nghiện ma túy Sóc Trăng cho Đ. Sau khi ném ma túy vào khu vực bãi tập kết rác bên trong hàng rào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng, Á điện thoại báo cho Đ biết.

Đến sáng ngày 30 tháng 8 năm 2023, Đ nói với bị cáo P1, bị cáo S và Trần Văn C3 T6 đi đến khu vực bãi tập kết rác của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng tìm gói ma túy Ẩm gửi vào để đưa về phong sử dụng. Sau đó, P1 đến khu vực bãi tập kết rác thì phát hiện một vỏ thuốc lá nhãn hiệu Fasol, bên trong có một gói nylon chứa chất rắn màu trắng, biết là ma túy của Đ nên P1 cất giấu gần thùng rác rồi vào nói cho S biết. Sau đó, P1 và S đi ra chỗ thùng rác nơi P1 cất giấu ma túy và P1 đánh lạc hướng người đưa P1 và S đi gom rác để S lấy ma túy cất giấu vào trong lưng quần để đưa về phòng cho Đ. Khi S đang đưa ma túy vào phòng cho Đ thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang.

Ngoài ra, trong thời gian từ tháng 5 năm 2023 đến ngày 30 tháng 8 năm 2023, bị cáo Đ còn cung cấp ma túy cho 14 học viên đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng sử dụng tại phòng 4 khu C được khoảng ba lần, gồm: Bị cáo S, bị cáo P1, Trần Văn Chí T6, Tô Tiểu L2, Dương Văn H2, Nguyễn Phương B1, Lê Trọng H3, Nguyễn Khánh L3, Vũ Xuân K2, Huỳnh Nhứt C2, Ngô Anh D4, Nguyễn Hoàng Anh T7, Phạm Thanh H4, Nguyễn Hoài T8.

[4] Tại Bản kết luận giám định số 152 ngày 06/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh S, kết luận: Mẫu tinh thể rắn màu trắng được niêm phong ký hiệu “MT” gửi giám định là ma túy, có khối lượng 9,0154 gam, loại Methamphetamine.

[5] Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo tự khai ra hành vi phạm tội, lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người liên quan, phù hợp với kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của các bị cáo là hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự, xâm phạm đến trật tự quản lý chất ma túy của Nhà nước bằng hành vi cố ý trực tiếp thông qua việc tổ chức sử dụng, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm vào Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đặng Ngọc S, Trang Nhi P1, Nguyễn Văn C và Lê Thế Q, Nguyễn Kiên Q1

phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn Á và bị cáo Lương Hoàng Đ1 phạm Tội vận chuyển trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo Q1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời khai của bà Quách Thị Yến D3 (bút lục 989, 999, 1000) khai nhận: vào khoảng tháng 8/2023 có người tên Q1 ở Sóc Trăng điện thoại hỏi mua ma túy số tiền 4.500.000 đồng nên bà D3 đồng ý bán và Q1 chuyển tiền vào số tài khoản của D3, sau đó bà D3 gửi ma túy qua đường xe khách về Sóc Trăng cho Q1, bà D3 chỉ bán ma túy cho Q1 01 lần duy nhất, bà D3 không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể của Q1, do có người giới thiệu và cho số điện thoại của Q1 để Q1 mua ma túy nên bà D3 mới bán ma túy cho Q1. Theo lời khai của bị cáo Q1 khai nhận do bị cáo Đ điện thoại cho bị cáo Q1 nhờ bị cáo Q1 mua ma túy dùm bị cáo Đ, bị cáo nhận lời và qua giới thiệu của người khác bị cáo mới biết và đã mua ma túy của D3 tại Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 4.500.000 đồng. Lời khai của Q1 phù hợp với lời khai của bà D3 nêu trên; phù hợp với lời khai của bị cáo Đ và bị cáo Q1 tại Biên bản đối chất ngày 19/12/2023 (bút lục 401, 102). Tại phiên tòa, Đ khai nhận có nhờ Q1 kiếm mua ma túy dùm cho bị cáo Đ để Đ sử dụng; phù hợp với lời khai của bị cáo C là chuyển số tiền 4.500.000 đồng cho bị cáo Q1, C còn giữ hộ Đ 1.500.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Q1 là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đ mua ma túy nhằm mục đích sử dụng không phải là người bán ma túy hay đồng phạm với D3 để bán ma túy cho Đ và Đ cũng không nhận được lợi ích. Đ bị truy tố và xét xử về Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự nhưng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố bị cáo Q1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác. Tòa án xét xử tội danh Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự nhẹ hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Q1 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần Cáo trạng số 151/CT-VKS-TPST ngày 04/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng như đã phân tích nêu trên.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đ, C là người đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đ đã tự thú ra hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đ; ngoài ra bị cáo P1, bị cáo Đ1 là người dân tộc thiểu số (dân tộc H5, K3), bị cáo Đ1 trước khi phạm tội có nhân thân tốt không tiền án tiền sự; Bị cáo Q có ông nội là ông Lê Văn G được Nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo Đ là gia đình hộ nghèo và có ông nội là Nguyễn Văn H6 được Nhà nước tặng huy chương kháng chiến, ông ngoại của bị cáo Á là

Nguyễn Văn K4 là người có công với cách mạng, hiện là thương binh; bị cáo C có cha là Nguyễn Văn D1 được Ủy ban nhân dân tỉnh H tặng bằng khen vì có công góp sức và công cuộc chống Mỹ cứu nước nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo P1, Đ1, Q, C, Á, Đ.

[9] Về hình phạt: căn cứ các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là xử phạt hình phạt tù với một thời gian nhất định đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và nhằm để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng trước khi phạm tội các bị cáo không có bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, vai trò của từng bị cáo được thể hiện như sau: Bị cáo Đ là người giữ vai trò chính, là khởi xướng và có nhiều hành vi phạm tội; các bị cáo P1, S, C, Q, Á, Q1 và Đ1 là đồng phạm giúp sức tích cực. Nên Hội đồng xét xử cụ thể hóa từng hành vi, tính chất của các bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

[10] Về xử lý vật chứng và các tài sản khác có liên quan:

Đối với: Hai gói niêm phong vụ số 152/2023 ngày 06/9/2023 của Phòng K5 Công an tỉnh S có chữ ký ghi họ tên Giám định viên Phạm Thanh Trường S3, trợ lý giám định Nguyễn Văn Đ2, Điều tra viên Huỳnh Ngọc T9; Một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Fasol, được niêm phong ký hiệu VTL; Một ống thủy tinh có một đầu hình tròn không đo kích thước; Một đoạn ống nhựa xanh sọc trắng hàn kín một đầu, một đầu cắt nhọn; Một quẹt gas; Ba mảnh giấy bạc; Một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Fasol; Một chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp có khoét hai lỗ, một lỗ gắn ống nhựa xanh sọc trắng và một lỗ gắn ống nhựa màu đỏ; Một quần ống dài màu xanh đây là chất cấm và các dụng cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với: Một điện thoại di động màu đen có chữ N3, bên trong có sim số 0368.305.942; Một cục sạc màu đen có chữ N1; Một điện thoại di động màu xanh đen có chữ NOKIA, bên trong có sim số 0367.921.652, đã qua sử dụng; Số tiền 1.500.000 đồng là các phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với: Một xe mô tô màu xanh đen, nhãn hiệu TAKEGAWA, biển số 83S4- 3032 của bà Trần Thị Lan N2, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng không biết bị cáo Á dùng vào việc phạm tội nên giao trả lại cho bà L4.

[11] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Đ thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

[12] Đối với bà Quách Thị Yến D3 hiện đã bị khởi tố, điều tra về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[13] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày quan điểm luận tội và đề nghị mức hình phạt, áp dụng các biện pháp tư pháp đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật. Riêng về tội danh truy tố bị cáo Q1 là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 47, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đặng Ngọc S.

Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trang Nhĩ P1.

Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thế Q.

Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Kiên Q1.

Điểm h khoản 2 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Á.

Điểm h khoản 2 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lương Hoàng Đ1.

Điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo Đặng Ngọc S, Trang Nhi P1, Nguyễn Văn C, Lê Thế Q, Nguyễn Kiên Q1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo Nguyễn Văn Á, Lương Hoàng Đ1 phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

## 2/. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ 7 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 9 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 16 (mười sáu) năm tù. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày 31/8/2023.

Bị cáo Đặng Ngọc S 6 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày 30/8/2023.

Bị cáo Trang Nhi P1 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày 30/01/2024.

Bị cáo Nguyễn Văn C 6 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày 21/02/2024.

Bị cáo Lê Thế Q 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày 20/02/2024.

Bị cáo Nguyễn Kiên Q1 6 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày 05/3/2024.

Bị cáo Nguyễn Văn Á 7 (bảy) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày 05/3/2024.

Bị cáo Lương Hoàng Đ1 7 (bảy) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời gian thi hành án phạt tù tính từ ngày 23/5/2024.

## 3/. Về xử lý vật chứng và các tài sản khác có liên quan:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: một điện thoại di động màu đen có chữ N3, bên trong có sim số 0368.305.942; một cục sạc màu đen có chữ N1; một điện thoại di động màu xanh đen có chữ NOKIA, bên trong có sim số 0367.921.652, đã qua sử dụng và số tiền 1.500.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: hai gói niêm phong vụ số 152/2023 ngày 06/9/2023 của Phòng K5 Công an tỉnh S có chữ ký ghi họ tên Giám định viên Phạm Thanh Trường S3, trợ lý giám định Nguyễn Văn Đ2, Điều tra viên Huỳnh Ngọc T9; một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Fasol, được niêm phong ký hiệu VTL; một ống thủy tinh có một đầu hình tròn không đo kích thước; một quạt gas; một đoạn ống nhựa xanh sọc trắng hàn kín một đầu, một đầu cắt nhọn; ba mảnh giấy bạc; một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Fasol; một chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp có khoét hai lỗ, một lỗ gắn ống nhựa xanh sọc trắng và một lỗ gắn ống nhựa màu đỏ; một quần ống dài màu xanh.

- Trả cho bà Trần Thị Lan N2, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng: một xe mô tô màu xanh đen, nhãn hiệu TAKEGAWA, biển số 83S4-3032.

4/. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc các bị cáo Đặng Ngọc S, Trang Nhi P1, Nguyễn Văn C, Lê Thế Q, Nguyễn Kiên Q1, Nguyễn Văn Á, Lương Hoàng Đ1 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ được miễn án phí.

5/. Báo cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- CQCSĐT - Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS - Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THA Dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; TAND TP Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng Nam**